

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TS
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 124/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 16/12/2020

V/v: “Tranh chấp về hôn nhân
và gia đình - Ly hôn”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TS, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Minh Tâm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung

2. Ông Trần Đức

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thanh Thúy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện TS, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TS tham gia phiên tòa: Bà Phan Thị Dáng Hương – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 12 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện TS xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 352/2020/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 10 năm 2020 về việc “Tranh chấp về hôn nhân và gia đình – Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 214/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 11 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Kim H, sinh năm 1972 (Có mặt)

Địa chỉ: số 23/3 ấp Phú Hữu, thị trấn PH, huyện TS, tỉnh An Giang.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn D, sinh năm 1974 (Có mặt)

Địa chỉ: số 23/3 ấp Phú Hữu, thị trấn PH, huyện TS, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, tờ tự khai, trong quá trình hòa giải và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kim H trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Chị với anh Nguyễn Văn D do quen biết và tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1993, không tổ chức lễ cưới và không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống rất hạnh phúc và có 02 con chung tên Nguyễn Trung D1, sinh ngày 05/10/1994 và Nguyễn Thị Kim N, sinh ngày 24/5/1995, đều đã thành niên. Trong thời gian chung sống vợ chồng cũng có cự cãi nhưng khoảng 02 năm nay thì mâu thuẫn trầm trọng hơn nguyên nhân do vợ chồng không có tiếng nói chung, thường xuyên cự cãi, mặc dù đã cố gắng hòa giải nhưng không thành. Hiện nay, vợ chồng vẫn còn sống chung nhà nhưng không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Nhận thấy, cuộc sống hôn nhân không thể hàn gắn và kéo dài nên chị yêu cầu được ly hôn anh Nguyễn Văn D.

- Về quan hệ con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Trung D1, sinh ngày 05/10/1994 và Nguyễn Thị Kim N, sinh ngày 24/5/1995, đều đã thành niên.

- Về quan hệ tài sản:

+ Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về nợ chung: Không có.

* *Tại biên bản lấy lời khai, trong quá trình hòa giải và tại phiên tòa hôm nay bị đơn anh Nguyễn Văn D trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Thống nhất lời trình bày của chị Nguyễn Thị Kim H do quen biết và tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1993, không tổ chức lễ cưới và không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống rất hạnh phúc và có 02 con chung tên Nguyễn Trung D1, sinh ngày 05/10/1994 và Nguyễn Thị Kim N, sinh ngày 24/5/1995, đều đã thành niên. Trong thời gian chung sống vợ chồng cũng có những mâu thuẫn nhỏ hàng ngày nhưng không trầm trọng. Vợ chồng vẫn còn sống chung nhà nhưng mấy tháng nay thì chị H không cho ngủ chung. Nay, chị H yêu cầu ly hôn thì anh không đồng ý vì anh còn thương vợ con.

- Về quan hệ con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Trung D1, sinh ngày 05/10/1994 và Nguyễn Thị Kim N, sinh ngày 24/5/1995, đã thành niên.

- Về quan hệ tài sản:

+ Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về nợ chung: Không có.

* *Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:* Việc Tòa án tiến hành thụ lý giải quyết là đúng theo trình tự thủ tục và thẩm quyền, trong quá trình tiến

hành tố tụng Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký tuân thủ đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; các đương sự trong vụ án cũng thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật. Về nội dung: Căn cứ theo các quy định của pháp luật, đề nghị không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị Kim H và anh Nguyễn Văn D. Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Trung D1, sinh ngày 05/10/1994 và Nguyễn Thị Kim N, sinh ngày 24/5/1995 đều đã thành niên nên không xem xét. Về tài sản chung và nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa và các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình về ly hôn, bị đơn anh Nguyễn Văn D có địa chỉ tại ấp Phú Hữu, thị trấn PH, huyện TS, tỉnh An Giang nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện TS theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Kim H và anh Nguyễn Văn D chung sống với nhau từ năm 1993, không tổ chức lễ cưới và không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống thì anh chị phát sinh mâu thuẫn, bất đồng về quan điểm sống, thường hay cự cãi, mặc dù vợ chồng vẫn còn sống chung nhà nhưng không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Nên chị H yêu cầu ly hôn anh D nhưng anh D không đồng ý ly hôn vì còn thương vợ, thương con.

Xét thấy, theo Khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định *“Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không có đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ, chồng...”*. Tại khoản 2 Điều 53 cũng quy định: *“Trong trường hợp không có đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật này...”*. Như vậy, mặc dù chị H và anh D đã sống chung với nhau trong một thời gian dài và có 02 con chung nhưng không đăng ký kết hôn nên về mặt pháp luật không thừa nhận quan hệ giữa chị H và anh D là vợ chồng nên việc chị H yêu cầu được ly hôn với anh D là không phù hợp mà cần tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị Kim H và anh Nguyễn Văn D.

[2.2] Về quan hệ con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Trung D1, sinh ngày 05/10/1994 và Nguyễn Thị Kim N, sinh ngày 24/5/1995, đều đã thành niên.

[2.3] Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.3] Về nợ chung: Không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Do chị Nguyễn Thị Kim H yêu cầu giải quyết ly hôn nên phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 14, Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Căn cứ khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị Kim H và anh Nguyễn Văn D.

2. Về quan hệ con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Trung D1, sinh ngày 05/10/1994 và Nguyễn Thị Kim N, sinh ngày 24/5/1995, đều đã thành niên, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

3. Về quan hệ tài sản:

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về nợ chung: Ghi nhận chị Nguyễn Thị Kim H và anh Nguyễn Văn D không có nợ chung, nhưng sau khi bản án này có hiệu lực pháp luật, nếu có nguyên đơn khởi kiện xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của anh, chị trong thời kỳ sống chung thì chị Nguyễn Thị Kim H và anh Nguyễn Văn D vẫn phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách là đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Kim H phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án

phí, lệ phí Tòa án số 0003965 ngày 02 tháng 10 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện TS, tỉnh An Giang.

5. Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu Thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện TS;
- Chi cục THADS huyện TS;
- UBND thị trấn PH, huyện TS, tỉnh An Giang;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Thị Minh Tâm

